

Thời gian : 12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	0%	0%	15%	20%	0%	55%				
1	161135938	TRỊNH PHƯỚC	LỘC	K17ACD	7				7	7.5		8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
2	171195420	THÔI HIỀN	CHÍNH	K17ACD	8				7	7.5		7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
3	171195421	NGUYỄN TƯ	CHUNG	K17ACD	9				7	8		8	8.0	Tám	
4	171195422	LÊ THANH	DÂN	K17ACD	8				7	7.5		7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
5	171195423	DƯƠNG TẤN	ĐÔNG	K17ACD	10				7.5	8		8	8.1	Tám phẩy Một	
6	171195424	LÊ THỊ	ĐỦ	K17ACD	8				8	7.5		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
7	171195425	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	K17ACD	10				8	8		8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
8	171195426	NGUYỄN SƠN	HẢI	K17ACD	7				7	7		7	7.0	Bảy	
9	171195427	NGUYỄN LÊ PHÚC	HẬU	K17ACD	8				8	8		8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
10	171195428	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	K17ACD	7				7	6.5		7	6.9	Sáu phẩy Chín	
11	171195430	LÊ ĐÌNH	KHUÔNG	K17ACD	9				7.5	8		8	8.0	Tám	
12	171195431	LÊ VI	KING	K17ACD	8				7	7.5		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
13	171195432	HOÀNG THÀNH	LỘC	K17ACD	10				8	8.5		8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
14	171195433	ĐÀM VĂN	LỰC	K17ACD	10				8	7.5		8	8.1	Tám phẩy Một	
15	171195434	LÊ VĂN	MINH	K17ACD	9				7.5	8		8	8.0	Tám	
16	171195435	TRẦN HỮU	NGHĨA	K17ACD	9				7.5	8		8	8.0	Tám	
17	171195436	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	K17ACD	10				7	7		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
18	171195437	TỪ	NGUYỄN	K17ACD	10				7	7.5		8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
19	171195438	VÕ THÀNH	NHÂN	K17ACD	10				8	8		8	8.2	Tám phẩy Hai	
20	171195439	PHẠM QUỐC	PHONG	K17ACD	8				7	7.5		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
21	171195440	TRẦN DUY	PHƯƠNG	K17ACD	9				7	7.5		7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
22	171195441	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	K17ACD	0				0	0		0	0.0	Không	
23	171195442	PHAN ĐÌNH	QUỲNH	K17ACD	5				6	6		7	6.5	Sáu phẩy Năm	
24	171195443	BÙI TẤN	THÀNH	K17ACD	6				6	6.5		7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
25	171195444	VÕ QUỐC	THẢO	K17ACD	8				7	7.5		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
26	171195445	MAI THỊ	THẢO	K17ACD	10				8	8		8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
27	171195446	ĐẶNG QUANG	THỊNH	K17ACD	8				7	7		7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
28	171195447	PHẠM SỸ MINH	THÔNG	K17ACD	9				8	8		8	8.1	Tám phẩy Một	
29	171195448	HÀ PHƯƠNG	THỦY	K17ACD	9				7.5	8		8	8.0	Tám	
30	171195449	NGUYỄN CÔNG	THY	K17ACD	10				8	8		8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
31	171195450	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	K17ACD	8				8	8		8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
32	171195451	TRƯƠNG NGỌC	TÍN	K17ACD	9				8	8		8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
33	171195452	NGUYỄN	TRÃI	K17ACD	8				7	8		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
34	171195453	LÊ VĂN	TRƯỜNG	K17ACD	8				7	7.5		7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	

Thời gian : 12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	0%	0%	15%	20%	0%	55%				
35	171195454	NGUYỄN PHAN ANH	TUẤN	K17ACD	10				8	8		8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
36	171195455	PHẠM ANH	TUẤN	K17ACD	2				0	0		0	0.0	Không	
37	171195456	NGUYỄN THANH	TÙNG	K17ACD	8				7	7		7	7.1	Bảy phẩy Một	
38	171195457	NGUYỄN ĐÌNH	TÙNG	K17ACD	9				8	7.5		8	8.0	Tám	
39	171195458	RỖ CHĂM	TÝ	K17ACD	8				8	7		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
40	171195459	TRẦN HUỖNH	VIÊN	K17ACD	10				7	7.5		8	8.0	Tám	
41	171195460	NGUYỄN PHAN HOÀNG VŨ		K17ACD	7				7	7.5		8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
42	171198737	PHAN NGUYỄN THANH NHÀN		K17ACD	8				8	8		8	8.0	Tám	
43	171198738	LÊ PHAN DUY	THÁI	K17ACD	8				7	7.5		7	7.2	Bảy phẩy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	41	95%	
2	Số sinh viên nợ	2	5%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 07/12/2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ